

**CÔNG TY CỔ PHẦN READ YOURSELF**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN READ YOURSELF

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: READ YOURSELF JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: READ YOURSELF

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110094018

**3. Ngày thành lập:** 17/08/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4 tháp T2 Tòa nhà Times Tower, số 35 Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0971567608

Fax:

Email: [Readyourselfmsb@gmail.com](mailto:Readyourselfmsb@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                            | 4669        |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức. (Trừ hợp báo) | 8230        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                        | 8299        |
| 4.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                            | 8511        |
| 5.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                           | 8512        |
| 6.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                    | 8522        |
| 7.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                | 8523        |
| 8.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                              | 8531        |
| 9.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                           | 8532        |
| 10. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                             | 8541        |
| 11. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                 | 8552        |
| 12. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Dạy máy tính;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng.                                                                          | 8559(Chính) |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                     | 8560        |

|     |                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ xoa bóp;<br>- Dịch vụ tắm hơi, massage;<br>- Dịch vụ massage mặt.    | 9610 |
| 15. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư<br>(Trừ dịch vụ ủy thác đầu tư, môi giới, chứng khoán)                                                   | 6619 |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ hoạt động tư vấn và đại diện pháp lý, hoạt động vận động hành lang, hoạt động kế toán, kiểm toán)                                                                      | 7020 |
| 17. | Quảng cáo<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                | 7310 |
| 18. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                  | 7320 |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                          | 7410 |
| 20. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                               | 7420 |
| 21. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                        | 4690 |
| 22. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị                                                                                                                   | 4719 |
| 23. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                  | 1392 |
| 24. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                          | 1410 |
| 25. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                    | 1430 |
| 26. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất mỹ phẩm<br>- Sản xuất chế phẩm                                                                        | 2023 |
| 27. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                | 4782 |
| 28. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                 | 4799 |
| 29. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                   | 8211 |
| 30. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                | 8219 |
| 31. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4761 |
| 32. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ các loại trò chơi, đồ chơi có hại cho việc giáo dục phát triển nhân cách và sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội) | 4764 |

|     |                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh        | 4771 |
| 34. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN ĐÌNH THƯƠNG | Thôn Hồng Hà 2, Xã Mỹ Tân, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 4.000      | 40.000.000            | 8,000     | 0360970099<br>94                                                                            |         |
|     |                  |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                        | Tổng số                   | 4.000      | 40.000.000            | 8,000     |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                                                                |                                    |        |             |        |                  |
|---|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | BÙI THỊ<br>THÙY LINH | Số 27, Ngõ 97<br>Nguyễn Đồng<br>Chi, Phường Cầu<br>Diễn, Quận Nam<br>Tư Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.000  | 30.000.000  | 6,000  | 0221870017<br>09 |
|   |                      |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Tổng số                            | 3.000  | 30.000.000  | 6,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                |                                    |        |             |        |                  |
| 3 | TẠ QUANG<br>THẮNG    | Thôn Hậu Ái, Xã<br>Vân Canh, Huyện<br>Hoài Đức, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 20,000 | 0260910111<br>73 |
|   |                      |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 20,000 |                  |
|   |                      |                                                                                                                |                                    |        |             |        |                  |
| 4 | VŨ THỊ LINH<br>CHI   | Số 77, Ngõ 151<br>Láng Hạ, Phường<br>Láng Hạ, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 11.000 | 110.000.000 | 22,000 | 0381950081<br>80 |
|   |                      |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                | Tổng số                            | 11.000 | 110.000.000 | 22,000 |                  |
|   |                      |                                                                                                                |                                    |        |             |        |                  |

|   |               |                                                                                                                              |                           |       |            |        |              |
|---|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|--------|--------------|
| 5 | VŨ THỊ PHƯƠNG | Phòng 0511A, Sảnh W3, Tòa Vinhomes West Point, Đường Đỗ Đức Dục, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 9.000 | 90.000.000 | 18,000 | 042185000344 |
|   |               |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Tổng số                   | 9.000 | 90.000.000 | 18,000 |              |
|   |               |                                                                                                                              |                           |       |            |        |              |
| 6 | ĐỖ MẠNH THÀNH | Số 10, Ngách 19, Ngõ 78 Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông         | 9.000 | 90.000.000 | 18,000 | 001089024591 |
|   |               |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Tổng số                   | 9.000 | 90.000.000 | 18,000 |              |
|   |               |                                                                                                                              |                           |       |            |        |              |
| 7 | LÊ MINH TUẤN  | 12A05, Tòa S1.02 KĐT Vinhomes Ocean Park, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông         | 4.000 | 40.000.000 | 8,000  | 001080007460 |
|   |               |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              | Tổng số                   | 4.000 | 40.000.000 | 8,000  |              |
|   |               |                                                                                                                              |                           |       |            |        |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TẠ QUANG THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/03/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026091011173

Ngày cấp: 01/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đình Xá 3, Xã Nguyệt Đức, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hậu Ái, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội